TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 534/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22/12/2022
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Nghiệp;

2. Ông Huỳnh Thanh Phong.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Triệu Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 418/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 768/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 854/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1993; địa chỉ: tổ 28, ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Ông Nguyễn Sa L, sinh năm 1993; địa chỉ: tổ 20, ấp T, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa hôm nay bà N vắng mặt có đơn, ông L vắng mặt lần 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Về hôn nhân: Hôn nhân của bà N và ông L là do tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện A năm 2017.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên chung sống không có tình cảm nên dẫn đến bất đồng quan điểm, cự cãi thường xuyên. Ông L ham mê cờ bạc số đề, nhiều lần bà N đứng ra trả nợ nhưng ông L vẫn không thay đổi, nợ lần sau lớn hơn lần trước. Gia đình hai bên đã hàn gắn, vì thương con còn nhỏ nên bà đã cho ông L thời gian nhưng đến nay không có kết quả. Nhận thấy không thể chung sống cùng nhau nên vợ chồng bà ly thân từ năm 2019 đến nay và yêu cầu giải Tòa án giải quyết ly hôn với ông L.

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 02/01/2017, hiện do bà N đang chăm sóc. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà yêu cầu không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử do bà kiên quyết ly hôn, không còn tình cảm với ông L.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt cho ông L theo quy định nhưng ông L vẫn không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của bà N, ông L để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Về nơi cư trú: Theo biên bản xác minh tại Công an xã V ngày 10/11/2022 xác định ông L vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại ấp T, xã V, huyện A, tỉnh An Giang chưa có thông tin tách chuyển đi nơi khác.

Về tình trạng hôn nhân: Theo biên bản không làm việc được với đương sự ngày 10/11/2022 thể hiện: Người thân, hàng xóm sinh sống xung quanh nhà ông L từ chối cung cấp. Ban nhân dân ấp T, Công an xã V thông tin ông L hiện đang thụ án tại Vũng Tàu khoảng hai năm nay về tội liên quan đến ma túy, gia đình có cha ông L còn sinh sống ở địa phương nhưng đi làm thuê đến chiều muộn mới về nhà.

Tại phiên tòa, bà N vắng mặt có đơn; riêng ông L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà N chung sống với ông L đến năm 2019 thì không còn hạnh phúc nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con chung là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông L hiện đang cư trú tại xã V, huyện A. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, An Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Bà N và ông L tiến đến hôn nhân là do tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được hai bên gia đình đồng ý tiến hành tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V vào năm 2017 nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù Tòa án đã động viên và hòa giải nhưng bà N vẫn cương quyết xin được ly hôn với ông L. Tại phiên hòa giải bà N yêu cầu không tiến hành hòa giải do không còn tình cảm và tại phiên tòa hôm nay bà N vắng mặt đã thể hiện việc không thể quay lại chung sống với ông L. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của ông bà đã được hai bên gia đình lên tiếng hàn gắn nhưng ông bà vẫn không quay lại chung sống. Bà N cho rằng nguyên nhân xin ly hôn là do ông L không chăm lo gia đình, ham mê cờ bạc, gây nợ nần ngày càng nhiều.

Trong quá trình tố tụng, tuy ông L hiện đang chấp hành án tại Vũng Tàu nhưng các văn bản tố tụng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ cho người thân nhận thay và thông tin nội dung vụ án cho ông biết, ông không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ mà phía bà N cung cấp. Do đó,

căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét thấy việc bà N trình bày là có cơ sở nên Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn giữa bà N và ông L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà N là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 02/01/2017, hiện do bà N đang chăm sóc. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung.

Đối với yêu cầu của bà N về con chung Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi ông bà ly thân đến nay con chung được bà N cùng gia đình nuôi dưỡng, chăm sóc, phát triển tốt, tình cảm mẹ - con đã gắn bó việc thay đổi chỗ ở, hoàn cảnh sống đột ngột sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển của cháu sau này.

Điều quan trọng, cháu L lại là con gái rất cần sự chăm sóc, gần gũi của mẹ nên theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh và quy định của pháp luật.

[3.3] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà N không yêu cầu ông L cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của bà.

Hội đồng xét xử giải thích cho các đương sự biết: Bà N cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim N.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với ông Nguyễn Sa L.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 37 ngày 15/5/2017 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang mang tên bà Nguyễn Thị Kim N và ông Nguyễn Sa L không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim N được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thị Thùy L sinh ngày 02/01/2017. Công nhận tự nguyện của bà N không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Bà N cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007127 ngày 28/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Bà N đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/12/2022), các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo đối với người vắng mặt được tính kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Thảo Ngân

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh AG (1);*
- *VKS tỉnh AG (1);*
- *VKS huyện AP (2);*
- *THADS huyện AP (1);*
- *UBND xã nơi ĐKKH (1);*
- *Các đương sự (2);*
- *Lưu VP (1);*
- *Lưu HS (1).*